

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 89/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1972.

+ Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1979.

Cùng trú tại: Tổ 41, N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn B và Bà Trần Thị Thanh H kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống đến năm 2010 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Huỳnh Văn B cho rằng bà Trần Thị Thanh H chơi cờ bạc, từ đó khiến kinh tế gia đình eo hẹp, ông Huỳnh Văn B đã khuyên bảo nhưng bà Trần Thị Thanh H vẫn không thay đổi và đời sống vợ chồng thường xuyên có lời qua tiếng lại, từ đó hai vợ chồng không chung sống với nhau nữa. Vì mâu thuẫn đã ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy ông Huỳnh Văn B và bà Trần Thị Thanh H thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của ông B và bà H.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị Thanh H và ông Huỳnh Văn B khai nhận có 02 con chung là Huỳnh Trần Tuyết Nh, sinh ngày 01/01/2000; Huỳnh Trần Tuyết A, sinh ngày 09/4/2002. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Ông Huỳnh Văn B trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung Huỳnh Trần Tuyết A, sinh ngày 09/4/2002 cho đến khi đủ tuổi trưởng thành. Bà Trần Thị Thanh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung Huỳnh Trần Tuyết Nh, sinh ngày 01/01/2000 đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập đến.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Huỳnh Văn B và bà Trần Thị Thanh H khai nhận không có.

[4] *Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình* là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Huỳnh Văn B và bà Trần Thị Thanh H phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06.3.2020, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Huỳnh Văn B và bà Trần Thị Thanh H thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2001 ngày 12/3/2001 của UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

- *Về con chung*: Ông Huỳnh Văn B và bà Trần Thị Thanh H khai nhận có 02 con chung là Huỳnh Trần Tuyết Nh, sinh ngày 01/01/2000; Huỳnh Trần Tuyết A, sinh ngày 09/4/2002. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Ông Huỳnh Văn B trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung Huỳnh Trần Tuyết A, sinh ngày 09/4/2002 cho đến khi đủ tuổi trưởng thành. Bà Trần Thị Thanh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung Huỳnh Trần Tuyết Nh, sinh ngày 01/01/2000 đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập đến.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Huỳnh Văn B và bà Trần Thị Thanh H khai nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng y) ông Huỳnh Văn B và bà Trần Thị Thanh H phải nộp và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004276 ngày 03.3.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng. Ông Huỳnh Văn B và bà Trần Thị Thanh H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND phường. H, quận L, TP.ĐN;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Thủy